

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 – ĐỀ 2

MÔN: TIẾNG ANH 5 GLOBAL SUCCESS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

I. Listen and decide if each statement below is True or False.

Phương pháp giải:

- Đọc câu hỏi, gạch chân các từ khoá, xác định thông tin cần tìm.
- Nghe bài nghe, chú ý vào những thông tin cần tìm.
- Đối chiếu thông tin nghe được để chọn đáp án đúng.

Bài nghe:

Boy: What are you doing, Mai?

Mai: I'm decorating my house for Tet. It's coming.

Boy: Do you love Tet?

Mai: Yes, I do. My dad will buy peach blossoms, and my mum will buy new clothes for us.

Boy: That's great!

Mai: And we'll also make *banh chung* and eat delicious food.

Boy: Wow... Will you go to a fireworks show?

Mai: No, I won't. I'll go to a flower festival with my grandparents.

Tạm dịch:

*Bạn nam: Mai ơi, cậu đang làm gì vậy?**Mai: Tôi đang trang trí nhà cửa để đón Tết. Tết sắp đến rồi.**Bạn nam: Cậu có thích Tết không?**Mai: Có chứ, tôi thích lắm. Bố tôi sẽ mua hoa đào, còn mẹ tôi sẽ mua quần áo mới cho cả nhà.**Bạn nam: Thật tuyệt vời!**Mai: Bạn tôi cũng sẽ gói bánh chưng và thưởng thức những món ăn ngon.**Bạn nam: Oa... Thế cậu có đi xem bắn pháo hoa không?**Mai: Không, tôi không đi. Tôi sẽ đi hội hoa cùng ông bà.*

Lời giải chi tiết:

1.

Mai is decorating her house.

(Mai đang trang trí nhà của mình.)

Thông tin:

Boy: What are you doing, Mai?

(Mai ơi, cậu đang làm gì vậy?)

Mai: I'm decorating my house for Tet. It's coming.

(Tôi đang trang trí nhà của để đón Tết. Tết sắp đến rồi.)

Đáp án: True

2.

Mai's dad will buy new clothes for them.

(Bố của Mai sẽ mua quần áo mới cho họ.)

Thông tin:

Mai: Yes, I do. My dad will buy peach blossoms, and my mum will buy new clothes for us.

(Có chứ, tôi thích lắm. Bố tôi sẽ mua hoa đào, còn mẹ tôi sẽ mua quần áo mới cho cả nhà.)

Đáp án: True

3.

Mai and her family will make *banh chung*.

(Mai và gia đình của cô ấy sẽ làm bánh chưng.)

Thông tin:

Mai: And we'll also make *banh chung* and eat delicious food.

(Bọn tôi cũng sẽ gói bánh chưng và thưởng thức những món ăn ngon.)

Đáp án: True

4.

Mai will go to flower festival with her friends.

(Mai sẽ đến lễ hội hoa cùng bạn bè.)

Thông tin:

Mai: No, I won't. I'll go to a flower festival with my grandparents.

(Không, tôi không đi. Tôi sẽ đi hội hoa cùng ông bà.)

Đáp án: False

II. Listen and complete each sentence with NO MORE THAN TWO WORDS.

Phương pháp giải:

- Đọc các câu đề bài và xác định xem có thể điền loại thông tin gì vào chỗ trống
- Nghe và chú ý vào những thông tin đã xác định.
- Lựa chọn duy nhất hai từ cả về mặt ngữ pháp và ngữ nghĩa để điền vào chỗ trống.

Bài nghe:

Girl: Where did you go last summer, Long?

Long: I went to Phu Yen. It was great. The weather was very nice.

Girl: What did your family do in Phu Yen?

Long: In the morning, I swam with my parents. Then, I collected seashells with my sister. It was fun.

Girl: Did you eat seafood?

Long: Yes, I did. We ate seafood for lunch and dinner.

Girl: What did you do in the evening?

Long: We walked on the beach. And before we went home, my mum bought souvenirs.

Tạm dịch:

Bạn nữ: Hè năm ngoái cậu đã đi đâu vậy, Long?

Long: Tớ đã đi Phú Yên. Ở đó thật tuyệt, thời tiết rất đẹp.

Bạn nữ: Gia đình cậu đã làm gì ở Phú Yên?

Long: Buổi sáng, tớ bơi cùng bố mẹ. Sau đó, tớ nhặt vỏ sò với em gái. Vui lắm.

Bạn nữ: Cậu có ăn hải sản không?

Long: Có chứ. Gia đình tớ ăn hải sản vào bữa trưa và bữa tối.

Bạn nữ: Buổi tối cậu làm gì?

Long: Tụi tớ đi dạo trên bãi biển. Trước khi về nhà, mẹ tớ còn mua quà lưu niệm.

Lời giải chi tiết:

1.

Long went to Phu Yen _____.

(Long đã đến Phú Yên vào _____.)

Thông tin:

Girl: Where did you go last summer, Long?

(Hè năm ngoái cậu đã đi đâu vậy, Long?)

Long: I went to Phu Yen. It was great. The weather was very nice.

(Tớ đã đi Phú Yên. Ở đó thật tuyệt, thời tiết rất đẹp.)

Đáp án: last summer

2.

The weather was very _____.

(Thời tiết rất _____.)

Thông tin:

Long: I went to Phu Yen. It was great. The weather was very nice.

(Tớ đã đi Phú Yên. Ở đó thật tuyệt, thời tiết rất đẹp.)

Đáp án: nice

3.

Long _____ with his sister.

(Long _____ cùng em gái.)

Thông tin:

Long: In the morning, I swam with my parents. Then, I collected seashells with my sister. It was fun.

(Buổi sáng, tớ bơi cùng bố mẹ. Sau đó, tớ nhặt vỏ sò với em gái. Vui lắm.)

Đáp án: collected seashells

4.

Long and his family ate _____ for lunch and dinner.

(Long và gia đình của họ đã ăn _____ vào bữa trưa và bữa tối.)

Thông tin:

Long: Yes, I did. We ate seafood for lunch and dinner.

(Có chứ. Gia đình tớ ăn hải sản vào bữa trưa và bữa tối.)

Đáp án: seafood

5.

Long's mother bought _____ before going home.

(Mẹ của Long đã mua _____ trước khi về nhà.)

Thông tin:

Long: We walked on the beach. And before we went home, my mum bought souvenirs.

(Tụi tớ đi dạo trên bãi biển. Trước khi về nhà, mẹ tớ còn mua quà lưu niệm.)

Đáp án: souvenirs

III. Look and choose.**Phương pháp giải:**

- Quan sát bức tranh.
- Đọc câu hỏi và các phương án.
- Đối chiếu thông tin và chọn ra đáp án đúng.

Lời giải chi tiết:

1. What will you do at Mid-Autumn Festival?

(Bạn sẽ làm gì vào dịp Tết Trung Thu?)

A. We'll have a big party.

(Chúng mình sẽ tổ chức một bữa tiệc lớn.)

B. We'll sing and dance.

(Chúng mình sẽ hát và nhảy múa.)

C. We'll receive presents.

(Chúng mình sẽ nhận quà.)

Đáp án: A

2. How does your sister stay healthy?

(Chị gái bạn giữ sức khỏe như thế nào?)

A. She eats vegetables every day.

(Chị ấy ăn rau mỗi ngày.)

B. She does it three times a week.

(Chị ấy làm điều đó ba lần một tuần.)

C. She always drinks fresh juice.

(Chị ấy luôn uống nước ép trái cây tươi.)

Đáp án: A

3. Where will your family go at Tet?

(Gia đình bạn sẽ đi đâu vào dịp Tết?)

A. We'll visit our grandparents.

(Chúng mình sẽ thăm ông bà.)

B. We'll decorate our house for Tet.

(Chúng mình sẽ trang trí nhà cửa đón Tết.)

C. We'll go to a fireworks show.

(Chúng mình sẽ đi xem bắn pháo hoa.)

Đáp án: C

4. What did you do in Ha Long Bay?

(Bạn đã làm gì ở Vịnh Hạ Long?)

A. I collected seashells on the beach.

(Mình đã nhặt vỏ sò trên bãi biển.)

B. I bought souvenirs for my friends.

(Mình đã mua quà lưu niệm cho bạn bè.)

C. I took a boat trip around the bay.

(Mình đã đi thuyền tham quan quanh vịnh.)

Đáp án: A

5. What's the matter with her?

(Cô ấy bị làm sao vậy?)

A. She has a sore throat.

(Cô ấy bị đau họng.)

B. She has a headache.

(Cô ấy bị đau đầu.)

C. She has a stomachache.

(Cô ấy bị đau bụng.)

Đáp án: B

IV. Read and fill in the blanks with NO MORE THAN THREE WORDS.

My friends are very healthy. Jack stays healthy by doing morning exercise. He does it five times a week. He also drinks fresh juice twice a week. Kim loves sports. She plays volleyball on Tuesdays and Thursdays. On Saturdays, she plays table tennis. Also, she does yoga every day. She's really fit! My friend Phong takes his dog for a walk four times a week. He also eats healthy food. He eats fish, fruits and vegetables every day. He also cooks healthy food for me sometimes. I love his cooking!

Tạm dịch:

Bạn bè của mình đều rất khỏe mạnh. Jack giữ gìn sức khỏe bằng cách tập thể dục buổi sáng. Cậu ấy tập năm lần một tuần. Cậu ấy cũng uống nước ép trái cây tươi hai lần một tuần. Kim thì rất yêu thể thao. Cô ấy chơi bóng chuyên vào thứ Ba và thứ Năm. Vào thứ

Bảy, cô ấy chơi bóng bàn. Ngoài ra, cô ấy tập yoga mỗi ngày. Cô ấy thực sự rất khỏe! Bạn của mình, Phong, thường dắt chó đi dạo bốn lần một tuần. Cậu ấy cũng ăn uống rất lành mạnh. Hàng ngày, cậu ấy ăn cá, trái cây và rau củ. Đôi khi, cậu ấy còn nấu những món ăn lành mạnh cho mình nữa. Mình rất thích đồ ăn cậu ấy nấu!

Phương pháp giải:

- Đọc đề bài và xác định xem có thể điền loại thông tin gì vào chỗ trống
- Đọc và chú ý vào những thông tin đã xác định.
- Lựa chọn nhiều nhất là 2 từ đúng về cả về mặt ngữ pháp và ngữ nghĩa để điền vào chỗ trống.

1.

Thông tin: He also drinks fresh juice twice a week.

(Cậu ấy cũng uống nước ép trái cây tươi hai lần một tuần.)

Đáp án: fresh juice twice

2.

Thông tin: Kim loves sports. She plays volleyball on Tuesdays and Thursdays.

(Cô ấy chơi bóng chuyền vào thứ Ba và thứ Năm.)

Đáp án: twice a week

3.

Thông tin: Kim loves sports. She plays volleyball on Tuesdays and Thursdays. On Saturdays, she plays table tennis. Also, she does yoga every day.

(Kim thì rất yêu thể thao. Cô ấy chơi bóng chuyền vào thứ Ba và thứ Năm. Vào thứ Bảy, cô ấy chơi bóng bàn. Ngoài ra, cô ấy tập yoga mỗi ngày.)

Đáp án: do yoga

4.

Thông tin: My friend Phong takes his dog for a walk four times a week.

(Bạn của mình, Phong, thường dắt chó đi dạo bốn lần một tuần.)

Đáp án: walk his dog

5.

Thông tin: He eats fish, fruits and vegetables every day.

(Hàng ngày, cậu ấy ăn cá, trái cây và rau củ.)

Đáp án: every day

V. Put the words in the correct order.**Phương pháp giải:**

- Nhận định từ từ/cụm từ được đề bài cung cấp sẵn, xem chức năng và vị trí thông thường của chúng trong câu.
- Xác định loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi...)
- Áp dụng các cấu trúc câu, sắp xếp các từ đã cho theo một trình tự phù hợp để tạo nên những câu đúng.

Lời giải chi tiết:

1. did / do / last / What/ your / summer vacation / family / ?

Giải thích: Đây là một câu hỏi WH ở thì quá khứ đơn với động từ thường :

Wh + did + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu?

Đáp án: What did your family do last summer vacation?

(Gia đình bạn đã làm gì vào kì nghỉ hè năm ngoái vậy?)

2. our / We / decorate / house / a lot of / will / flowers / with / .

Giải thích: Đây là một câu khẳng định ở thì tương lai đơn với động từ thường. Ta có cấu trúc:

Chủ ngữ + will + động từ nguyên mẫu + tân ngữ.

Đáp án: We will decorate our house with a lot of flowers.

(Chúng tôi sẽ trang trí nhà với thật nhiều hoa tươi.)

3. have / at / will / What / you / the party / at / food / ?

Giải thích: Đây là một câu hỏi Wh ở thì tương lai đơn với động từ thường:

Wh + will + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu?

Đáp án: What food will you have at the party?

(Bạn sẽ ăn gì vào bữa tiệc?)

4. drinks / every day / My / fresh / mother / juice / .

Giải thích: Cấu trúc câu khẳng định ở thì hiện tại đơn với động từ thường:

Chủ ngữ số ít + động từ chia (thêm -s/-es) + tân ngữ + every day.

Đáp án: My mother drinks fresh juice every day.

(Mẹ của tôi uống nước ép hoa quả tươi mỗi ngày.)

5. too / cold water / shouldn't / You / drink / much / .

Giải thích: Đây là một câu lời khuyên dạng phủ định với "should". Ta có cấu trúc:

Chủ ngữ + shouldn't + động từ nguyên mẫu + tân ngữ.

Đáp án: You shouldn't drink too much cold water.

(Bạn không nên uống quá nhiều nước lạnh.)